TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9 -2017
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017, về tranh chấp *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp PT, xã PT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

2.Bị đơn: Ngô Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Ấp PT, xã PT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn anh Ngô Văn N.

Đề nghị của bị đơn anh Ngô Văn N: Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đương sự thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Ngô Văn N chung sống như vợ chồng vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hiện tại anh chị không còn chung sống với nhau.

Về con chung: anh chị có 02 con chung Ngô Văn B, sinh năm 1992 theo giấy khai sinh số 221 ngày 14/8/1992 và Ngô Phước A, sinh năm 1995 theo giấy khai sinh số 174 ngày 12/9/2000 của Ủy ban nhân dân xã Lục Sĩ Thành, huyện TO hiện hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nợ chung không có.

Các tình tiết đương sự không thống nhất: Chị H yêu cầu ly hôn, anh N không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quyền yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO theo quy định tại điều 28 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc các đương sự chưa yêu cầu giải quyết tài sản chung là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N chung sống như vợ chồng từ năm 1991 đến nay không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nay chị H yêu cầu ly hôn được Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị H và anh N là vợ chồng theo quy định tại các điều 9, 14 và 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Các con chung của chị H và anh N đều đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ H nguyên đơn trong vụ án ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 14, 53 luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thị Mỹ H và anh Ngô Văn N là vợ chồng

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị Mỹ H nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*

đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0014043 ngày 09/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO chị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND. huyện Trà Ôn;
- THADS. huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án..

Phạm Trường Thọ